

Số: /BC-SGDĐT

Long An, ngày tháng 9 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hè năm học 2019-2020**

Thực hiện Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) hè năm học 2019-2020, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) báo cáo kết quả thực hiện PCGD, XMC hè năm học 2019-2020, cụ thể như sau:

#### **I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN**

##### **1. Thuận lợi**

- Công tác PCGD, XMC luôn được Cấp ủy, UBND các cấp quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo; được sự hỗ trợ, phối hợp của cơ quan, Ban, ngành, đoàn thể,... các cấp trong hoạt động thực hiện công tác PCGD, XMC; được sự đồng thuận của xã hội và nhân dân.

- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể đã phối hợp đồng bộ, chặt chẽ trong việc thực hiện chương trình mục tiêu giáo dục “*Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài*” đáp ứng yêu cầu sự nghiệp “*Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước*”.

- Cấp huyện, cấp xã rất quan tâm đến công tác PCGD, XMC; tích cực đẩy mạnh các hoạt động nhằm duy trì và nâng cao kết quả đạt được.

- Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp huyện, cấp xã tiên hành xây dựng kế hoạch hoạt động; hướng dẫn tổ chức phức tạp trình độ học vấn của người dân trên địa bàn quản lý; ban hành quyết định giao chỉ tiêu huy động học viên ra lớp, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, xây dựng kế hoạch tuyển sinh đầu cấp, thực hiện tốt “*Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường*”; kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo các cấp, thiết lập đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách 6 tháng đầu năm 2020.

- Thường trực Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp huyện tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện PCGD, XMC,... đây là cơ sở vững chắc để duy trì và nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn PCGD, XMC vào cuối năm 2020.

- Đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh; nhu cầu học PCGD, XMC. Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ nhiệt tình luôn phấn đấu dạy tốt, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên theo từng năm học.

- Giáo viên chuyên trách PCGD, XMC được bố trí hợp lý, thường xuyên theo dõi, rà soát, cập nhật đối tượng, thực hiện hồ sơ sổ sách và tham mưu với Ban chỉ đạo về kế hoạch hoạt động, tình hình huy động học sinh ra lớp...

- Hiệu quả đào tạo, công tác duy trì sĩ số học sinh, hạ thấp tỷ lệ lưu ban bỏ học ở các cấp học có nhiều chuyển biến tích cực.

- Trường, lớp xanh - sạch - đẹp được bố trí đến tận các ấp tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại, học tập của trẻ em, từ đó việc huy động học sinh ra lớp được thuận lợi hơn.

- Kinh tế phát triển đời sống của nhân dân ngày càng được nâng lên, nhiều gia đình đã quan tâm hơn đến chăm lo việc học tập của con em mình. Phụ huynh học sinh ngày càng quan tâm hơn đến việc học của con em mình.

- Công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng phát triển góp phần thuận lợi không nhỏ cho công tác PCGD, XMC và phòng, chống lưu ban bỏ học của huyện. thị xã, thành phố.

## **2. Khó khăn**

- Tỷ lệ lưu ban, bỏ học ở các trường tuy có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao, chưa có dấu hiệu ổn định mà còn có chiều hướng tăng trong hè.

- Trong thời gian qua, do dịch bệnh Covid - 19 diễn ra hết sức phức tạp. Tình hình dân cư biến động khá nhiều (có nhiều hộ thuộc diện mới đến ở trên cụm tuyến dân cư và một số hộ KT3, nhân khẩu chuyển đi, chuyển đến, vắng, bỏ địa phương, về quê cũ, theo cha mẹ đi làm ăn xa,... còn xảy ra rất phổ biến). Từ đó ảnh hưởng rất lớn đến việc cập nhật độ tuổi, trình độ; huy động học viên ra lớp; duy trì sĩ số học sinh, học viên trên lớp.

- Việc huy động đối tượng bỏ học ra lớp PCGD, XMC; việc mở lớp, duy trì các lớp PCGD, XMC còn nhiều khó khăn vì các đối tượng sau khi bỏ học đã rời địa phương đi làm ăn xa.

- Các xã vùng sâu, điều kiện giao thông, đi lại không thuận lợi, kinh tế còn khó khăn, thu nhập còn thấp dẫn đến công tác huy động, phòng chống lưu ban bỏ học trong học sinh và việc học PCGD, XMC cho đối tượng trong độ tuổi cũng gặp không ít khó khăn.

- Còn một bộ phận nhỏ cha mẹ học sinh chỉ lo kinh tế gia đình chưa thật sự quan tâm đến việc học của con em mình nên tác động không nhỏ đến công tác phòng chống lưu ban, bỏ học của trường.

- Vùng Đồng Tháp Mười, kinh tế chủ yếu là phát triển nông nghiệp. Nên khi vào mùa vụ, một số học sinh phải nghỉ học để phụ gia đình thu hoạch lúa, trông nhà, giữ em, . . . đã ảnh hưởng phần nào đến chất lượng học tập.

- Công tác phối kết hợp ba môi trường giáo dục có lúc, có nơi chưa thật sự gắn kết, chưa đi vào chiều sâu; còn một vài địa phương có tư tưởng là giao trắng cho nhà trường.

- Các xã, phường, thị trấn đều thực hiện sử dụng phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT, nhưng do phần mềm mở vào tháng 11 nên khó khăn trong việc cập nhật thường xuyên số liệu trên phần mềm.

## **II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **1. Tham mưu trong công tác chỉ đạo**

- Sở GD&ĐT ban hành Kế hoạch số 2035/KH-SGDĐT ngày 20/6/2020 về việc thực hiện PCGD, XMC hè năm học 2019-2020.

- Sở GD&ĐT trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện PCGD, XMC hè năm học 2019-2020.

- Các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Kế hoạch thực hiện PCGD, XMC hè năm học 2019-2020.

- Các xã, phường, thị trấn tùy theo tình hình thực tế của địa phương đã xây dựng và thực hiện PCGD, XMC hè năm học 2019-2020.

- Phòng GD&ĐT phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phân luồng, vận động học sinh sau tốt nghiệp THCS đi học trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề.

- Phòng GD&ĐT chỉ đạo Hiệu trưởng các trường xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức ôn tập phụ đạo học sinh yếu, cho học sinh thi lại ở các khối lớp.

- Phòng GD&ĐT tổ chức họp Hiệu trưởng các trường để định biên sĩ số học sinh và giáo viên ở năm học 2020-2021; hướng dẫn các trường xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển sinh đầu cấp năm học 2020-2021 và thực hiện “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”.

### **2. Phát triển mạng lưới giáo dục**

- Trong năm học 2019-2020, toàn ngành hiện có 592 cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông.

- Tiếp tục củng cố hoạt động của trung tâm GDTX&KTTH; tận dụng tối đa cơ sở vật chất, đội ngũ để tiếp nhận mọi học viên có nhu cầu học chương trình GDTX cấp THCS, THPT tại các trường THPT, trung tâm trực thuộc Sở.

- Toàn ngành tiếp tục tham mưu và triển khai thực hiện đề án “Giải quyết vấn đề trường, lớp cho con em công nhân vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Long An giai đoạn 2017-2020”. Tiếp tục phối hợp Hội LHPN tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ tư thục ở khu vực khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2015-2020. Qua đó, duy trì và mở rộng các trường lớp mẫu giáo ngoài công lập.

- Duy trì, củng cố và nâng cao hoạt động của Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Học tập cộng đồng (TTVH-TT&HTCD) tại 187/188 xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Các TTVH-TT&HTCD được tổ chức, hoạt động theo đúng Quy chế đã ban hành.

### **3. Đội ngũ giáo viên**

- Cơ bản đáp ứng yêu cầu trong việc dạy và học ở các cấp học. Toàn tỉnh có 18.703 cán bộ (CB) quản lý, giáo viên (GV). Trong đó:

+ CBQL là 1.355 người (MN: 461, TH: 466, THCS: 305, THPT: 120, GDTX: 3).

+ GV là 17.347 người (MN: 4.021, TH: 6.249, THCS: 4.646, THPT: 2.395, GDTX: 36).

- Đội ngũ CB-GV trong các trường Mẫu giáo, Mầm Non, Tiểu học, THCS, THPT, GDTX trên địa bàn luôn được lãnh đạo tỉnh, huyện và lãnh đạo ngành quan tâm bổ sung về số lượng, và nâng chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo đáp ứng được nhu cầu dạy học và thực hiện PCGD, XMC.

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN DỊCH PCGD, XMC HÈ**

#### **1. Kết quả PCGD, XMC**

##### **1.1. PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi**

- Toàn tỉnh có 192/192 xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi, tỷ lệ 100%.

- Tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp/tổng số trẻ em 5 tuổi của tỉnh: 21.621/21632, tỷ lệ 99,95%.

- Tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp hoàn thành chương trình giáo dục mầm non/ tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp: 23529/23535, tỷ lệ 99,97%.

- Tổng số trẻ 0-5 tuổi được hưởng chế độ chính sách theo qui định 3780 trẻ, trong đó có 2077 trẻ 5 tuổi.

##### **1.2. PCGD tiểu học**

- Đơn vị cấp xã: toàn tỉnh có 192/192 xã đạt mức độ 1, tỷ lệ 100%; có 192/192 xã đạt mức độ 2, tỷ lệ 100%; có 191/192 xã đạt mức độ 3, tỷ lệ 99,48%

- Đơn vị cấp huyện: có 15/15 huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) đạt mức độ 1, tỷ lệ 100%; có 15/15 huyện đạt mức độ 2 tỷ lệ 100%; 15/15 huyện đạt chuẩn mức độ 3, tỷ lệ 100%.

- Tổng số trẻ em 6 tuổi vào lớp1/tổng số trẻ em 6 tuổi của tỉnh: 23533/23533, tỷ lệ 100%.

- Tổng số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học/tổng số trẻ em 11 tuổi trên địa bàn: 22997/23656, tỷ lệ 97,21%. *Các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học/tổng số trẻ em 11 tuổi trên địa bàn: 659/23656, tỷ lệ 2,79%*

##### **1.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở**

- Đơn vị cấp xã: toàn tỉnh có 192/192 xã đạt mức độ 1, tỷ lệ 100%; có 191/192 xã đạt mức độ 2, tỷ lệ 99,48%; có 124/192 xã đạt mức độ 3, tỷ lệ 64,58%;

- Đơn vị cấp huyện: có 15/15 huyện đạt mức độ 1, tỷ lệ 100%; có 14/15 huyện đạt mức độ 2 tỷ lệ 93,33%; 3/15 huyện đạt chuẩn mức độ 3, tỷ lệ 20,0%.

- Tổng số trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học/ tổng số trẻ em đến 14 tuổi trên địa bàn: 88416/89211, tỷ lệ 99,11%.

- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở/tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi trên địa bàn tỉnh: 69916/73081, tỷ lệ 95,67%.

- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp/tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 trên địa bàn: 63064/73081, tỷ lệ 86,29%.

- Số học sinh tốt nghiệp THCS/tổng số học sinh lớp 9 (2 hệ) năm qua: 19141/19250, tỷ lệ 99,43%. Trong đó, số học sinh vào học lớp 10 (2 hệ)/tổng số học sinh tốt nghiệp THCS: 17818/19141, tỷ lệ 93,08%.

1.4. Số đối tượng trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương/tổng số đối tượng trong độ tuổi 18-21

Toàn tỉnh Long An có 48608/58713 thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tỷ lệ 82,79%.

#### 1.5. Xóa mù chữ

- Đơn vị cấp xã: toàn tỉnh có 192/192 xã đạt mức độ 1, tỷ lệ 100%; có 181/192 xã đạt mức độ 2, tỷ lệ 94,27%.

- Đơn vị cấp huyện: toàn tỉnh có 15/15 huyện đạt mức độ 1, tỷ lệ 100%; có 13/15 huyện đạt mức độ 2, tỷ lệ 86,67%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 trên địa bàn tỉnh: 466769/468023, tỷ lệ 99,73%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 trên địa bàn tỉnh: 184112/184172, tỷ lệ 99,97%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 trên địa bàn: 998141/1058744, tỷ lệ 94,28%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 trên địa bàn: 461854/468022, tỷ lệ 98,68%.

1.6. Huy động người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục

Toàn tỉnh có 463/476 người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục, tỷ lệ 92,27%.

1.7. Kết quả vận động học sinh bỏ học, ra lớp PCGD, XMC hè (phụ lục đính kèm)

## **2. Kết quả vận động học sinh ra lớp (phụ lục đính kèm).**

2.1. Vận động học sinh bỏ học trong hè ra lớp

Tổng số học sinh bỏ học: 917 HS/378 nữ. Vận động ra lớp: 103 HS/55 nữ.

Trong đó:

- Tiểu học: bỏ học 38 HS/20 nữ, vận động ra lớp 20 HS/12 nữ.

*Chia ra:*

+ *Lớp 1: bỏ học 14 HS /8 nữ, vận động ra lớp 14 HS/8 nữ.*

+ *Lớp 2: bỏ học 2 HS/1 nữ, vận động ra lớp 00 HS/nữ.*

+ *Lớp 3: bỏ học 5 HS/2 nữ, vận động ra lớp 3 HS/2 nữ.*

+ *Lớp 4: bỏ học 6 HS/2 nữ, vận động ra lớp 00 HS/nữ.*

+ *Lớp 5: bỏ học 11 HS/7 nữ, vận động ra lớp 3 HS/2 nữ.*

- Trung học cơ sở: bỏ học 484 HS/178 nữ, vận động ra lớp 50 HS/27 nữ.

*Chia ra:*

+ *Lớp 6: bỏ học 102 HS/43 nữ, vận động ra lớp 18 HS/10 nữ.*

+ *Lớp 7: bỏ học 126 HS/46 nữ, vận động ra lớp 12 HS/4 nữ.*

+ *Lớp 8: bỏ học 157 HS/46 nữ, vận động ra lớp 16 HS/9 nữ.*

+ *Lớp 9: bỏ học 99 HS/43 nữ, vận động ra lớp 4 HS/3 nữ.*

- Trung học phổ thông: bỏ học 395/180 nữ, vận động ra lớp 33 HS/16 nữ.

*Chia ra:*

+ *Lớp 10: bỏ học 220 HS/103 nữ, vận động ra lớp 23 HS/12 nữ.*

+ *Lớp 11: bỏ học 113 HS/52 nữ, vận động ra lớp 6 HS/2 nữ.*

+ *Lớp 12: bỏ học 62 HS/25 nữ, vận động ra lớp 4 HS/2 nữ.*

2.2. Vận động học viên ra học các lớp PCGD, XMC

- PCGDTH: 60 học viên/38 nữ (Lớp 1: 39 HV/25 nữ, Lớp 2: 9 HV/6 nữ, Lớp 3: 7 HV/4 nữ, Lớp 4: 3 HV/2 nữ, Lớp 5: 2 HV/1 nữ).

- PCGDTHCS: 85 học viên/40 nữ (Lớp 6: 5 HV/5 nữ, Lớp 7: 2 HV/1 nữ, Lớp 8: 35 HV/19 nữ, Lớp 9: 43 HV/15 nữ).

- Xóa mù chữ: 29 học viên/8 nữ (Lớp 5: 29 HV/8 nữ).

## **3. Công tác điều tra, lập hồ sơ, sử dụng phần mềm PCGD, XMC**

- Từ huyện đến xã tiến hành điều tra bổ sung và lập hồ sơ PCGD, XMC đúng qui định và đảm bảo tính pháp lý; hoàn chỉnh cập nhật dữ liệu lên phần mềm của Bộ GD&ĐT.

- Các xã, phường, thị trấn đã thực hiện tổng điều tra và thường xuyên cập nhật hồ sơ để chuẩn bị cho công tác kiểm tra vào cuối năm 2020.

- Quản lý hồ sơ sổ sách như: PCGDMN trẻ 5 tuổi; PCGD tiểu học; PCGD trung học cơ sở; Độ tuổi 18-21 tốt nghiệp THPT và tương đương; Xóa mù chữ đúng với Nghị định số 20 và Thông tư số 07. Quản lý đầy đủ, chính xác, khoa học các loại hồ sơ, sổ sách.

#### **4. Nội dung khác có hiệu quả**

- Các trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động các ban, ngành, đoàn thể,... “Tiếp sức mùa thi” năm 2020 cho 1.059 học sinh có hoàn cảnh khó khăn tham dự kỳ thi THPT quốc gia với kinh phí hơn 778,535 triệu đồng.

- Hội khuyến học các cấp phối hợp với ngành GD&ĐT và các cơ quan có liên quan thực hiện vận động tiếp sức học sinh đến trường, tuyên dương học sinh giỏi, học sinh đỗ đại học... Sáu tháng qua các cấp Hội đã vận động quỹ được: 23.518.745.000 đồng đã cấp phát 7.449 suất học bổng với tổng số tiền 5.323.716.000 đồng và cấp phát 31.141 phần quà trị giá 9.663.609.000 đồng cho học sinh, sinh viên vượt khó hiếu học, có hoàn cảnh khó khăn; đã khai 38.218 heo đất khuyến học với tổng số tiền là: 9.049.023.000 đồng

#### **IV. CÔNG TÁC PHỐI KẾT HỢP**

- Ban chỉ đạo PCGD, XMC tỉnh, huyện, xã phối hợp trình UBND ban hành dự án Kế hoạch thực hiện PCGD, XMC hè năm học 2019-2020 và tổ chức thực hiện.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn thành viên Ban chỉ đạo PCGD, XMC các cấp đủ số lượng, thành phần theo qui định, có quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ từng thành viên.

- Ban chỉ đạo PCGD, XMC huyện, xã tham mưu UBND tổ chức, chỉ đạo và thực hiện theo các nội dung đã xây dựng nhằm đạt kết quả cao nhất trong việc vận động, huy động, duy trì sĩ số học viên, thực hiện tuyển sinh đầu cấp, ngày toàn dân đưa trẻ đến trường.

- Phòng GD&ĐT phối hợp với trường THPT và các cơ quan có liên quan tham mưu UBND huyện tiến hành phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT; vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, huy động và duy trì sĩ số các lớp PCGD, XMC.

- Các ngành thực hiện vận động, huy động học sinh nhân dịp tựu trường và "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường", phát hành thư mời trẻ đến trường đối với

trẻ 5 tuổi và học sinh lớp 1,... Đồng thời thông báo rộng rãi trên các cụm loa đài của xã, phường, thị trấn.

- Các Ban, ngành, đoàn thể phối hợp thường xuyên động viên, huy động các đối tượng ra lớp phổ cập và hỗ trợ, tạo điều kiện cho học viên đi học (tổ chức đưa rước học viên, hỗ trợ vật chất cho học viên có hoàn cảnh khó khăn ...) và kết hợp vận động gia đình cho học viên đi học.

- Kết hợp tốt 3 môi trường giáo dục “Gia đình - Nhà trường - Xã hội” hạn chế tối đa tình trạng học sinh bỏ học nửa chừng và nâng cao hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

- Công tác phối kết hợp được sự hỗ trợ tích cực của các ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở: tuyên truyền quản lý giáo dục con em trong gia đình không phạm tội, không tệ nạn xã hội, giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục đạo đức, văn hoá, phối hợp hội khuyến học, huyện đoàn tặng quà cho học sinh nghèo, phối hợp vận động học sinh bỏ học trở lại lớp...

## **V. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN PCGD, XMC 3 THÁNG CUỐI NĂM 2020**

### **1. Công tác chỉ đạo, phối hợp thực hiện công tác PCGD, XMC**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về PCGD, XMC.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo sâu rộng đến các địa phương, ban ngành, đoàn thể tham gia và thực hiện tốt công tác PCGD, XMC.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn thành viên Ban chỉ đạo PCGD, XMC các cấp đủ số lượng và phân công nhiệm vụ từng thành viên. Nâng cao năng lực hoạt động của Ban chỉ đạo PCGD, XMC các cấp. Tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành Giáo dục với các ngành, các tổ chức có liên quan trong công tác PCGD, XMC.

- Tổ chức điều tra PCGD, XMC; có kế hoạch cụ thể PCGD, XMC cho từng đơn vị cấp huyện, xã, vận động ra lớp học PCGD, XMC.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin quản lý phổ cập giáo dục, tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng, cập nhật dữ liệu, khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý PCGD, XMC do Bộ GD&ĐT cung cấp.

- Thực hiện chế độ, chính sách cho những đối tượng tham gia công tác PCGD, XMC đúng theo quy định.

- Tận dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị... hiện có của địa phương để vận động, mở các lớp PCGD, XMC; huy động các nguồn lực hỗ trợ cho PCGD, XMC.



- Tham mưu đề xuất UBND các cấp về công tác kiểm tra, công nhận PCGD, XMC vào tháng 12/2020.

## **2. Dự kiến chỉ tiêu đạt chuẩn PCGD, XMC đến tháng 12 năm 2020**

2.1. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi: 188/188 xã, phường, thị trấn và 15/15 huyện.

2.2. Đạt chuẩn PCGD tiểu học:

- Đơn vị cấp xã: toàn tỉnh có 188/188 xã đạt mức độ 1; có 188/188 xã đạt mức độ 2; có 188/188 xã đạt mức độ 3.

- Đơn vị cấp huyện: có 15/15 huyện đạt mức độ 1; có 15/15 huyện đạt mức độ 2; 15/15 huyện đạt chuẩn mức độ 3.

2.3. Đạt chuẩn PCGD THCS:

- Đơn vị cấp xã: có 188/188 xã đạt mức độ 1; có 188/188 xã đạt mức độ 2; có 137/188 xã đạt mức độ 3.

- Đơn vị cấp huyện: có 15/15 huyện đạt mức độ 1; có 15/15 huyện đạt mức độ 2; 5/15 huyện đạt mức độ 3.

2.4. Thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đạt tỷ lệ 83% trở lên.

2.5. Đạt chuẩn xóa mù chữ:

- Đơn vị cấp xã: toàn tỉnh có 188/188 xã đạt mức độ 1; có 181/188 xã đạt mức độ 2.

- Đơn vị cấp huyện: toàn tỉnh có 15/15 huyện đạt mức độ 1; có 13/15 huyện đạt mức độ 2.

Trên đây là báo cáo quá trình thực hiện PCGD, XMC hè năm học 2019-2020 và phương hướng 3 tháng cuối năm 2020 của Sở GD&ĐT./.

### ***Nơi nhận:***

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Thành viên BCĐ PCGD, XMC tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- P.GD&ĐT các huyện, TX, TP;
- Các trường, TT trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, GDTrH.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Thị Dạ Thảo**

**Phụ lục:****BÁO CÁO THỐNG KÊ SỐ LIỆU PCGD, XMC HÈ NĂM HỌC 2019-2020***(Kèm theo Báo cáo số /BC-SGDĐT ngày /9/2020 của Sở GD&ĐT)***I. VẬN ĐỘNG HỌC SINH BỎ HỌC TRONG HÈ RA LỚP****1. Tiểu học**

Số TT	Huyện, TX, thành phố	Tổng số học sinh bỏ học/nữ					Tổng số học sinh ra lớp/nữ					Ghi chú	
		Lớp1	Lớp2	Lớp3	Lớp4	Lớp5	Lớp1	Lớp2	Lớp3	Lớp4	Lớp5		
01	Tân An												
02	Châu Thành												
03	Tân Trụ												
04	Thủ Thừa												
05	Bến Lức												
06	Cần Đức												
07	Cần Giuộc												
08	Đức Hòa												
09	Đức Huệ					1/0							
10	Thạnh Hóa												
11	Tân Thạnh												
12	Mộc Hóa	5/4	1/0	1/0	3/1	6/4	5/4	0	0	0	3/2		
13	Kiến Tường												
14	Vĩnh Hưng												
15	Tân Hưng	9/4	1/1	4/2	3/1	4/3	9/4		3/2				
<b>Tổng cộng</b>		<b>14/8</b>	<b>2/1</b>	<b>5/2</b>	<b>6/2</b>	<b>11/7</b>	<b>14/8</b>		<b>3/2</b>		<b>3/2</b>		

**2. Trung học cơ sở**

Số TT	Huyện, TX, thành phố	Tổng số học sinh bỏ học/nữ				Tổng số học sinh ra lớp/nữ				Ghi chú			
		Lớp6	Lớp7	Lớp8	Lớp9	Lớp6	Lớp7	Lớp8	Lớp9				
01	Tân An												
02	Châu Thành	5	11/7	16/4	7/3			1					
03	Tân Trụ	8	6/2	14/4	7/3								
04	Thủ Thừa	9/4	12/6	8/3	3/1								
05	Bến Lức	13/4	11/2	18/5	17/5	4/2	3/1	3/0	0				
06	Cần Đức	1		2	4								
07	Cần Giuộc	11/1	13/2	12/6	7/4	1	4	4/2	3/2				
08	Đức Hòa	25/7	15/10	19/3	23/11								
09	Đức Huệ	8/3	10/6	9/4	5/2								
10	Thạnh Hóa	6/3	9/3	13/7	3/1	4/3	5/3	6/5					
11	Tân Thạnh	9/3	11/1	12/2	4/1								
12	Mộc Hóa	16/5	10/3	3/1	9/6	2/1							
13	Kiến Tường	3	7	12									
14	Vĩnh Hưng												
15	Tân Hưng	24/13	11/4	19/7	10/6	7/4		2/2	1/1				
<b>Tổng cộng</b>		<b>102/43</b>	<b>126/46</b>	<b>157/46</b>	<b>99/43</b>	<b>18/10</b>	<b>12/4</b>	<b>16/9</b>	<b>4/3</b>				

### 3. Trung học phổ thông

Số TT	Huyện, TX, thành phố	Tổng số học sinh bỏ học/nữ			Tổng số học sinh ra lớp/nữ			Ghi chú
		Lớp10	Lớp11	Lớp12	Lớp10	Lớp11	Lớp12	
01	Tân An							
02	Châu Thành	5	10/4	1/1			2/1	
03	Tân Trụ	18/12	2/1	5/2	7/4			
04	Thủ Thừa	19/10	6/3	2/0				
05	Bến Lức	29/15	21/14	5/1	2/0			Học nghề
06	Cần Đước							
07	Cần Giuộc	38/23	9/6	1				
08	Đức Hòa	7/2	14/5	29/13				
09	Đức Huệ	11/7	10/5	9/5				
10	Thạnh Hóa	9/6	3/2	3/1	4/3	1/0	2/1	
11	Tân Thạnh	30/12	18/6					
12	Mộc Hóa	29/7	6/0	2/0	5/2			
13	Kiến Tường							
14	Vĩnh Hưng							
15	Tân Hưng	25/9	14/6	5/2	5/3	5/2		
<b>Tổng cộng</b>		<b>220/103</b>	<b>113/52</b>	<b>62/25</b>	<b>23/12</b>	<b>6/2</b>	<b>4/2</b>	

## II. VẬN ĐỘNG HỌC SINH RA CÁC LỚP PCGD, XMC

### 1. Tiểu học

Số TT	Huyện, TX, thành phố	Tổng số học sinh ra lớp					Trong đó, tổng số nữ học sinh ra lớp					Ghi chú
		Lớp1	Lớp2	Lớp3	Lớp4	Lớp5	Lớp1	Lớp2	Lớp3	Lớp4	Lớp5	
01	Tân An											
02	Châu Thành											
03	Tân Trụ											
04	Thủ Thừa											
05	Bến Lức											
06	Cần Đước											
07	Cần Giuộc											
08	Đức Hòa											
09	Đức Huệ											
10	Thạnh Hóa											
11	Tân Thạnh											
12	Mộc Hóa											
13	Kiến Tường											
14	Vĩnh Hưng	39	9	7	3	2	25	6	4	2	1	
15	Tân Hưng											
<b>Tổng cộng</b>		<b>39</b>	<b>9</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>25</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	

## 2. Xóa mù chữ

Số TT	Huyện, TX, thành phố	Tổng số học sinh ra lớp					Trong đó, tổng số nữ học sinh ra lớp					Ghi chú
		Lớp1	Lớp2	Lớp3	Lớp4	Lớp5	Lớp1	Lớp2	Lớp3	Lớp4	Lớp5	
01	Tân An											
02	Châu Thành											
03	Tân Trụ											
04	Thủ Thừa											
05	Bến Lức											
06	Cần Đước											
07	Cần Giuộc											
08	Đức Hòa											
09	Đức Huệ											
10	Thạnh Hóa					29						8
11	Tân Thạnh											
12	Mộc Hóa											
13	Kiến Tường											
14	Vĩnh Hưng											
15	Tân Hưng											
<b>Tổng cộng</b>						<b>29</b>						<b>8</b>

## 3. Trung học cơ sở

Số TT	Huyện, TX, thành phố	Tổng số học sinh ra lớp				Trong đó, tổng số nữ học sinh ra lớp				Ghi chú
		Lớp6	Lớp7	Lớp8	Lớp9	Lớp6	Lớp7	Lớp8	Lớp9	
01	Tân An				17				4	
02	Châu Thành									
03	Tân Trụ									
04	Thủ Thừa									
05	Bến Lức									
6	Cần Đước									
07	Cần Giuộc									
08	Đức Hòa									
09	Đức Huệ									
10	Thạnh Hóa			18	13			9	6	
11	Tân Thạnh									
12	Mộc Hóa	5	2	17	13	5	1	10	5	
13	Kiến Tường									
14	Vĩnh Hưng									
15	Tân Hưng									
<b>Tổng cộng</b>		<b>5</b>	<b>2</b>	<b>35</b>	<b>43</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>19</b>	<b>15</b>	

#### 4. Trung học phổ thông

Số TT	Huyện, TX, thành phố	Tổng số học sinh ra lớp			Trong đó, tổng số nữ học sinh ra lớp			Ghi chú
		Lớp10	Lớp11	Lớp12	Lớp10	Lớp11	Lớp12	
01	Tân An							
02	Châu Thành							
03	Tân Trụ							
04	Thủ Thừa							
05	Bến Lức							
06	Cần Đước							
07	Cần Giuộc							
08	Đức Hòa							
09	Đức Huệ							
10	Thạnh Hóa							
11	Tân Thạnh							
12	Mộc Hóa							
13	Kiến Tường							
14	Vĩnh Hưng							
15	Tân Hưng							
<b>Tổng cộng</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>